

Số: *09* /2017/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 10 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện dự án 2 (Chương trình 135) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 11 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh; UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Văn phòng;
- Báo Thái Nguyên; TTTT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương
và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**

trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 09/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 làm căn cứ để lập kế hoạch; quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là các sở, ngành và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong toàn tỉnh.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Đối với các dự án thành phần Trung ương đã quy định nội dung, định mức, kinh phí cụ thể và cơ quan chủ trì, thực hiện theo định mức của Trung ương thì không áp dụng tiêu chí.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các địa phương gồm 03 nhóm sau đây:

1. Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.

Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện (trên cơ sở Quyết định rà soát của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với từng huyện) về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã năm 2015.

2. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của xã để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Tiêu chí về xã, về thôn đặc biệt khó khăn.

Các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 được thực hiện theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

Các thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 được thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ XÁC ĐỊNH HỆ SỐ CÁC TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 5. Chương trình 135

1. Các xã có thôn đặc biệt khó khăn theo Khoản 3 Điều 4 được phân bổ vốn đầu tư hằng năm không quá 04 thôn/xã. Vốn sự nghiệp phân bổ theo định mức bình quân.

2. Thành phố Sông Công không có xã khu vực III và chỉ có 01 thôn đặc biệt khó khăn thực hiện Chương trình 135 được phân bổ vốn đầu tư 200 triệu đồng/năm. Vốn sự nghiệp phân bổ theo định mức bình quân.

3. Xác định hệ số các tiêu chí:

a) Tiêu chí về xã: Đối với xã theo Khoản 3 Điều 4 Quy định này:

<i>Đối với xã</i>	<i>Hệ số (H1)</i>
Cứ mỗi xã khu vực III (kể cả xã ATK) được tính	10
Cứ mỗi xã khu vực II là xã ATK được tính	9
Cứ mỗi xã khu vực I là xã ATK được tính	8

b) Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn: Đối với thôn theo Khoản 3 Điều 4 Quy định này:

<i>Thôn đặc biệt khó khăn</i>	<i>Hệ số (H2)</i>
Đối với xã có không quá 04 thôn đặc biệt khó khăn, cứ 01 thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8
Đối với xã có nhiều hơn 04 thôn đặc biệt khó khăn được tính	7,2

c) Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã</i>	<i>Hệ số (H3)</i>
Dưới 10%	0,03
Từ 10% đến dưới 20%	0,04
Từ 20% đến dưới 30%	0,05
Từ 30% trở lên	0,06

d) Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số:

<i>Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số của xã</i>	<i>Hệ số (H4)</i>
Dưới 20%	0,01
Từ 20% đến dưới 40%	0,02
Từ 40% đến dưới 60%	0,04
Từ 60% đến dưới 80%	0,06
Từ 80% trở lên	0,08

4. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ:

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số hệ số của từng huyện; tổng hệ số của các huyện thực hiện Chương trình 135 sử dụng ngân sách trung ương làm căn cứ phân bổ vốn như sau:

a) Phương pháp tính:

Tổng hệ số các nội dung của 1 huyện (Y) = (H1 + H2) x (1+H3+H4).
Tổng Hệ số của Chương trình (N) = Tổng Hệ số của các xã cộng lại
Tổng mức vốn được phân bổ của Chương trình (M) = Tổng vốn đầu tư phát triển(M1) + Tổng kinh phí sự nghiệp(M2) (không tính số vốn thực hiện nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở).

b) Xác định mức phân bổ vốn:

Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 Hệ số (K) = M : N. Trong đó: + Mức vốn đầu tư phát triển cho 01 hệ số (K1) = M1 : N; + Mức vốn sự nghiệp cho 01 hệ số (K2) = M2 : N.
Số vốn phân bổ cho từng huyện (X) = K x Y. Trong đó: + Vốn đầu tư phát triển (X1) = K1 x Y; + Vốn sự nghiệp (X2) = K2 x Y.

Riêng nguồn vốn nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở: Giao đơn vị chủ tiêu dự án phối hợp với các ngành phân bổ theo quy định.

Điều 6. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp)

1. Tiêu chí cụ thể:

a) Tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo của xã	Hệ số
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7

b) Quy mô hộ nghèo:

Quy mô hộ nghèo của xã	Hệ số
Dưới 1.500 hộ	0,3
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

2. Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = A x N x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ,

N: Số xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố,

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

Điều 7. Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

1. Tiêu chí cụ thể:

a) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

- Tỷ lệ hộ nghèo:

<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã</i>	<i>Hệ số</i>
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7

- Quy mô hộ nghèo:

<i>Quy mô hộ nghèo của xã</i>	<i>Hệ số</i>
Dưới 1.500 hộ	0,3
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ trở lên	0,7

b) Hoạt động giảm nghèo về thông tin:

- Tỷ lệ hộ nghèo:

<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã</i>	<i>Hệ số</i>
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7

- Quy mô hộ nghèo:

<i>Quy mô hộ nghèo của xã</i>	<i>Hệ số</i>
Dưới 1.500 hộ	0,3
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ trở lên	0,7

2. Định mức phân bổ:

- Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = (A + B x tổng số xã) x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện do Trung ương phân bổ,

B: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ,

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

- Giảm nghèo về thông tin:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = (A + B x tổng số xã) x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện do Trung ương phân bổ,

B: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ,

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

Điều 8. Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)

1. Tiêu chí phân bổ:

a) Tỷ lệ hộ nghèo:

<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã</i>	<i>Hệ số</i>
Dưới 5%	0,4
Từ 5% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7

b) Quy mô hộ nghèo:

<i>Quy mô hộ nghèo của xã</i>	<i>Hệ số</i>
Dưới 1.500 hộ	0,3
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ trở lên	0,7

2. Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = (A + B x tổng số xã) x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện do Trung ương phân bổ,

B: Định mức bình quân cho một xã do Trung ương phân bổ,

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện, thị xã, thành phố.

Chương III

TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 9. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

1. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các địa phương bố trí vốn từ ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, ưu tiên vốn bố trí thêm nguồn vốn cho các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các xã nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Trong đó cấp huyện đối ứng 50%; ngân sách tỉnh cân đối hỗ trợ 50%. Riêng huyện: Võ Nhai, Định Hóa, Đồng Hỷ ngân sách tỉnh 70% và ngân sách huyện 30%./A

CHỦ TỊCH



Bà Xuân Hòa